

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 25 /2013/QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 29 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về một số chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
cho các dự án, công trình đầu tư cấp nước sạch nông thôn tập trung
tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ “Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch” và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ “về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn”;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ “về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4113/STC-ĐT ngày 09 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các dự án, công trình đầu tư cấp nước sạch nông thôn tập trung tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2013 – 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho các dự án, công trình được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đầu tư từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (CT và các PCT);
- Cục KS văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- CVP Huỳnh Ngọc Bông;
- PCVP Ngô Xuân Quân;
- Lưu VT, HP, HB, Hlc, N/chính.

65

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

QUY ĐỊNH

**Về một số chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các dự án,
công trình đầu tư cấp nước sạch nông thôn tập trung
tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2013 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 25 /2013/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các dự án, công trình đầu tư cấp nước sạch tập trung (bao gồm dự án xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp) phục vụ sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung là một hệ thống gồm các công trình khai thác, xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch đến nhiều hộ gia đình hoặc cụm dân cư sử dụng nước ở nông thôn và các công trình phụ trợ có liên quan; bao gồm các loại hình: cấp nước tự chảy, cấp nước sử dụng bơm động lực, cấp nước bằng công nghệ hồ treo.

2. Các công trình cấp nước sạch nông thôn nhỏ lẻ cấp nước cho một hoặc vài hộ gia đình bao gồm các loại hình: công trình thu và chứa nước hộ gia đình, giếng thu nước ngầm tầng nông (giếng đào, giếng mạch lộ), giếng khoan đường kính nhỏ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

3. Quy định này áp dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, tư nhân (sau đây gọi chung là các tổ chức, cá nhân) thực hiện các dự án đầu tư cấp nước sạch nông thôn tập trung tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Điều kiện và nguyên tắc thực hiện

1. Điều kiện:

a) Các tổ chức, cá nhân phải có phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ; có năng lực quản lý khai thác và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ cho cộng đồng dân cư nông thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các tổ chức, cá nhân phải có vốn chủ sở hữu tham gia đầu tư vào dự án tối thiểu là 20% tổng mức đầu tư; đối với dự án đầu tư vào các thôn đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc và miền núi, hải đảo (các vùng thuộc phụ lục 4) tối thiểu là 10% tổng mức đầu tư.

2. Nguyên tắc thực hiện:

a) Các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn phải theo quy hoạch hoặc Chương trình mục tiêu Cấp nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn của tỉnh; đảm bảo các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định.

b) Tài sản được hình thành từ nguồn vốn ngân sách để xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn chỉ được sử dụng cho mục đích phục vụ lợi ích của cộng đồng, không được sử dụng cho các mục đích khác, và được quản lý thu hồi vốn theo quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Các chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các dự án, công trình đầu tư cấp nước sạch tập trung nông thôn tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào khu xử lý nước sạch như cấp điện, đường.

2. Hỗ trợ vốn đầu tư:

Các tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn được hưởng mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo chi phí đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức hỗ trợ theo từng địa bàn như sau:

- Vùng thị trấn, thị tứ, mức hỗ trợ: 45% (Phụ lục 1);
- Vùng đồng bằng, vùng duyên hải, mức hỗ trợ: 60% (Phụ lục 2) ;
- Các xã thuộc khu vực I miền núi (trừ các thôn đặc biệt khó khăn), mức hỗ trợ 75% (Phụ lục 3);
- Các thôn đặc biệt khó khăn của các xã thuộc khu vực I miền núi, các xã thuộc khu vực II và III miền núi, ba xã và thị trấn của huyện Trường Sa: mức hỗ trợ 90% (Phụ lục 4).

3. Hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn:

Trong trường hợp giá bán nước sạch do UBND tỉnh quyết định thấp hơn giá thành được tính đúng, tính đủ theo quy định thì hàng năm UBND tỉnh xem xét cấp bù từ ngân sách tỉnh để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước.

3. Nguồn vốn hỗ trợ:

a) Nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào khu xử lý nước sạch quy định tại khoản 1 Điều này: Ngân sách tỉnh chi 70%, ngân sách cấp huyện chi 30% chi phí đầu tư thực tế.

b) Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư các dự án đầu tư cấp nước sạch nông thôn tập trung quy định tại khoản 2 Điều này chi từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn do ngân sách Trung ương cấp cho tỉnh và vốn đầu tư phát triển của ngân sách tỉnh hàng năm.

c) Nguồn vốn hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn: sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm của tỉnh.

Điều 4. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình ngoài hàng rào khu xử lý nước sạch

1. UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định giao cho các đơn vị chuyên môn của mình làm chủ đầu tư các dự án hạ tầng ngoài hàng rào khu xử lý nước sạch.

2. Việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Quản lý dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn đầu tư

Dự án, công trình cấp nước sạch được ngân sách nhà nước hỗ trợ từ 45% trở lên thì việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án và quản lý chi phí đầu tư, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thanh toán, quyết toán ... thực hiện theo các quy định về quản lý đầu tư xây dựng như các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh.

Điều 6. Thanh toán tiền hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn tập trung

1. Số tiền hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn được xác định theo từng công trình, dự án và được thanh toán cho tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác kinh doanh dịch vụ về nước sạch nông thôn tập trung.

2. Thời điểm xác định và thanh toán tiền hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn tập trung 6 tháng/01 lần vào thời điểm cuối tháng 6 và cuối tháng 12 hàng năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của đơn vị đầu tư dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn

1. Thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản như các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách theo quy định của nhà nước về công trình nước sạch nông thôn.

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Lập và công bố rộng rãi quy hoạch, chương trình, kế hoạch, chủ trương, chính sách đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn theo hệ thống tập trung.

b) Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện đầu tư theo quy hoạch và tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định nhằm nâng cao đời sống cộng đồng dân cư.

c) Thực hiện quản lý đối với công trình cấp nước sạch đầu tư từ ngân sách nhà nước, có nguồn gốc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tổ chức thẩm định dự án (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật) đầu tư cấp nước sạch nông thôn tập trung do ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn đầu tư, tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính cân đối nguồn vốn hỗ trợ đầu tư các dự án cấp nước sạch nông thôn tập trung và vốn đầu tư các công trình hạ tầng ngoài hàng rào khu xử lý nước sạch theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối nguồn vốn hỗ trợ đầu tư các dự án cấp nước sạch nông thôn tập trung và vốn đầu tư các công trình hạ tầng ngoài hàng rào khu xử lý nước sạch theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cân đối, bố trí kinh phí hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Kiểm tra, xác định số tiền phải hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn và thực hiện cấp bù cho tổ chức, cá nhân khai thác kinh doanh nước sạch nông thôn tập trung.

d) Thực hiện việc quản lý tài chính vốn đầu tư xây dựng cơ bản như đối với các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa:

a) Cấp phát vốn hỗ trợ khi có hồ sơ nghiệm thu thanh toán theo đúng các quy định hiện hành. Giá trị cấp phát tương ứng tỷ lệ giá trị khối lượng hoàn thành theo cơ chế hỗ trợ của dự án.

b) Cấp phát vốn đầu tư các công trình ngoài hàng rào khu xử lý nước sạch khi có hồ sơ nghiệm thu thanh toán theo đúng các quy định hiện hành.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Đề xuất và chịu trách nhiệm về việc đề xuất đơn vị chủ đầu tư dự án đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và đơn vị quản lý, khai thác công trình.

b) Quản lý và quyết định đầu tư đối với các công trình hạ tầng ngoài hàng rào khu xử lý nước sạch.

c) Thực hiện hỗ trợ đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

6. Trách nhiệm của các ngành, địa phương:

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc, phát sinh, các ngành, các cấp cần phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng